

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2021/HS-ST**

Ngày: 30-11-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Tổng Nê**

2/ Ông **Nguyễn Thanh Vân**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Minh Chí** – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 19/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Lê Phú H (N), sinh năm 1998 tại Bến Tre; Trú tại: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Lê Phú H1 và bà Phạm Thị V; Bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 17/7/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/11/2018).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 03/12/2015, bị Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/02/2016).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/6/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thiên P (B), sinh năm 1971; tại tỉnh Bến Tre; Trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông Trần Văn N và bà Phạm Thị B; Bị cáo có vợ tên Trần Thị N1, có 01 người con sinh năm 2010; Tiền án: không.

Tiền sự: 03.

+ Ngày 24/6/2019, bị Công an thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xử phạt hành chính số tiền 2.250.000 đồng về hành vi tàng trữ và sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 24/4/2020, bị Công an xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 27/4/2020, bị Công an xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Nhân thân:

+ Từ năm 1986 đến 1990: 03 lần bị đưa đi cưỡng bức lao động về hành vi trộm cắp tài sản.

+ Ngày 03/5/1994, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân.

+ Ngày 26/10/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 14/8/2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong hình phạt tù ngày 17/12/2014).

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/6/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:*

+ Lê Thị Phú Q, sinh năm 1965. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bà Q ủy quyền cho ông Châu Tuấn H2, sinh năm 1989, địa chỉ: Số P Nguyễn Thị Nghĩa, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thiên P:* Ông Nguyễn Minh K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (Có mặt)

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại Lê Thị Phú Q:*

- Bà Nguyễn Thị Minh T – Luật sư Văn phòng luật sư L thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Bà Nguyễn Tuyết N – Luật sư Công ty Luật TNHH T thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Lê Thị Kim P, sinh năm 1956. (Vắng mặt)

Trú tại: Số X, đường N, phường C, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

+ Lê Hoàng H3, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Trú tại: Số D, đường N, phường G, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Phan Nhật N, sinh năm 1975. (Vắng mặt)

Trú tại: Số A, đường Đ, phường 5, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

+ Tăng Chí T1, sinh năm 2002. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

+ Đoàn Phước N1, sinh năm 2001. (Vắng mặt)

Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- + Bùi Linh T, sinh năm 1991. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- + Lê Thanh B, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- + Nguyễn Trần T2, sinh năm 1990. (Vắng mặt)
Trú tại: Số B, đường H, phường V, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- + Lục Thị Kim H4, sinh năm 1977. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp Q, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.
- + Đỗ Tuấn A, sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Trú tại: Số Z, đường Đ, phường V, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- + Nguyễn Thị Kim N3, sinh năm 1992. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- + Võ Anh V, sinh năm 1991. (Vắng mặt)
Trú tại: Số N, đường L, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
- + Trần Văn N, sinh năm 1938; (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Trú tại: Ấp S, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
- *Người làm chứng:*
 - + Phạm Thị Thanh N5, sinh năm 1979. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.
 - + Phạm Văn H6, sinh năm 1974. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp G, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
 - + Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1957. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.
 - + Trang Châu S1, sinh năm 1977. (Vắng mặt)
Trú tại: Ấp Q, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ 30 phút ngày 26/5/2020, Lê Phú H đi xe mô tô biển số 49S8-0579 đến nhà bạn của Trang Châu S1 chơi. Khoảng 10 phút sau, thì có Trần Thiên P (B) đi đến, cả nhóm có sử dụng ma túy đá chung. Sau đó, S1 đi ngủ trước còn lại H và P nói chuyện. Khi nghe P nói đang kẹt tiền thì H nảy sinh ý định sẽ đến chùa Phước Nguyên để lấy trộm tiền trong thùng tam bảo. H liền nói với P là đi theo để giữ xe cho H rồi H cho tiền uống cà phê. Do biết H chuyên đi trộm tiền trong thùng tam bảo của chùa và đang trong lúc rất cần tiền nên P đồng ý đi cùng. Sau đó, cả hai chuẩn bị đoạn lười cửa sắt, sợi chỉ và băng keo hai mặt. H buộc lại làm thành dụng cụ móc lấy tiền trong thùng tam bảo. Đến khoảng 05 giờ 30 phút cùng ngày, H chở P đi đến chùa Phước Nguyên thuộc ấp Phước Thạnh, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, H kêu P giữ xe chờ bên ngoài gần chùa. H liền leo vào bên trong chùa Phước Nguyên đến thùng Tam Bảo đưa lười cửa sắt vào kiểm tiền nhưng không có tiền. H đi vào phòng nghỉ trong chùa không có khoá nên mở cửa bước vào trong phát hiện tủ quần áo cũng không khoá nên H

mở ra tìm thì thấy có cọc tiền mới mệnh giá 1000 đồng, 2000 đồng, một cái túi xách bằng giấy bên trong có nhiều tiền đô và hai túi bằng vải bên trong có đựng nhiều vàng loại nhẫn trơn và vàng miếng. Lúc này, bà Lê Thị Phú Q, là trụ trì chùa Phước Nguyên phát hiện H nên tri hô. H gom tất cả số tài sản trên vào túi giấy cầm bỏ chạy leo rào ra bên ngoài, bà Q có đuổi theo nhưng bị vấp té không đuổi kịp. P thấy H chạy ra nên nổ máy điều khiển xe mô tô chở H rời khỏi hiện trường đến nhà nghỉ số 9 tại ấp An Hoà Thanh, xã An Hoà, huyện Châu Thành. H vào phòng trọ mở túi vải ra lấy một chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 10 chỉ ra đưa cho P như lời hứa. Do dép, nón bảo hiểm đã bỏ lại tại chùa nên H đưa cọc tiền (loại 1000 đồng và 2000 đồng) vừa trộm được nhờ P đi mua quần áo và dép. P đếm số tiền này được 300.000 đồng và bù thêm 25.000 đồng để mua cho H, khi mua xong P về nhà bằng xe taxi. H ở tại nhà nghỉ điện thoại nhờ Lê Hoàng H3 (là cha nuôi của H) đến rước H về. Khoảng 8 giờ cùng ngày thì H3 đến gặp H tại nhà nghỉ thì H kêu gửi lại hai xe mô tô rồi cả hai đi xe taxi về Tiền Giang.

Qua làm việc H khai nhận là sau khi lấy trộm được số tài sản tại chùa Phước Nguyên, H chỉ nhìn thấy có nhiều vàng, tiền đô la các nước Mỹ, Canada, Úc và cọc tiền mệnh giá 1000 đồng và 2000 đồng (tổng cộng 300.000 đồng), H không trực tiếp kiểm tra cụ thể số lượng vàng là bao nhiêu. Quá trình điều tra xác định H sử dụng số tài sản trộm được tại chùa Phước Nguyên như sau:

- H trực tiếp bán 02 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 2 chỉ và 5 chỉ tại tiệm vàng Ngọc Tạo và tiệm vàng Ngọc Sương, đổi tiền đô gồm: 25 tờ mệnh giá 2 đô Mỹ, 01 tờ mệnh giá 50 đô Mỹ, 03 tờ mỗi tờ mệnh giá 100 đô Canada, 01 tờ mệnh giá 50 đô Úc, 01 tờ mệnh giá 100 đô Úc tại tiệm vàng Ngọc Tạo và Khách sạn Vip. H mua lại 01 xe mô tô biển số 63B9-901.05 do Võ Anh V đứng tên chủ sở hữu với giá 14.500.000 đồng (đã thu giữ).

- Cho Trần Thiên P 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 10 chỉ. P bán vàng tại tiệm vàng Đặng Khá ở xã Tân Thạch, mua lại 01 chiếc xe mô tô biển số 71B4-229.91 do Lục Thị Kim H4 đứng tên chủ sở hữu với giá 5.000.000 đồng (đã thu giữ), chơi game bắn cá, tiêu xài cá nhân, còn lại số tiền 17.980.000 đồng (đã thu giữ).

- Đưa cho Lê Hoàng H3 nhiều lần tổng cộng 37 chỉ vàng 24k (01 chiếc nhẫn trơn 2 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn 5 chỉ, 02 chiếc nhẫn trơn mỗi chiếc 10 chỉ, 01 miếng SJC 9999 trọng lượng 10 chỉ), 04 tờ đô la Canada mỗi tờ 100 đô. H3 đưa cho Bùi Linh T bán vàng tại tiệm vàng Ngọc Thắm 2, H3 trực tiếp bán vàng tại tiệm vàng Kim Điền, mua cho H xe mô tô biển số 63B9-801.97 do Đỗ Anh T đứng tên chủ sở hữu với giá 29.200.000 đồng và xe mô tô biển số 63B3-601.59 do Nguyễn Thị Kim N3 đứng tên chủ sở hữu với giá 26.500.000 đồng (đã thu giữ), số tiền bán vàng còn lại đã tiêu xài cá nhân hết.

- + Đưa cho Phan Nhật N (là tài xế taxi chở H) bán dùm 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 05 chỉ, 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 10 chỉ tại tiệm vàng Tân Kim Sương và tiệm vàng Mi Hồng. H trả tiền cước taxi nhiều lần khoảng 5.000.000 đồng và cho riêng N số tiền 5.000.000 đồng (Nam đã giao nộp lại 1.000.000 đồng, số tiền còn lại đã tiêu xài hết).

- + Cho Lê Thanh B 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 2 chỉ. B đã bán tiêu xài cá nhân hết và không nhớ nơi bán vàng.

- + Cho Đoàn Phước N1 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 2 chỉ. N1 đã đưa cho Tăng Chí T1 bán vàng tại tiệm vàng Kim Tài và tiêu xài cá nhân hết.

+ Cho Nguyễn Trần T2 (T2 khủng) 01 chiếc nhẫn trơn vàng 24k trọng lượng 5 chỉ (chưa làm việc được do T2 bỏ đi khỏi địa phương).

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 63B9-801.97, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen, số máy G3D4E472003, số khung 0610HY450879 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Anh T;

- 01 xe mô tô biển số 63B3-601.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng, đen, đỏ, số máy G3D4E417508, số khung 0610HY398401 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Kim N3;

- 01 xe mô tô biển số 63B9-901.05, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, số máy JA39E0415453, số khung RLHJA3908HY440289;

- 01 xe mô tô biển số 71B4-229.91, nhãn hiệu Gentle, loại C110, số máy FMHG00002927, số khung FL10001308653 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lục Thị Kim H4;

- 01 xe mô tô biển số 49S8- 0579, không có nhãn hiệu, màu bạc, không có số khung, số máy E432-VN103828, số khung bị cắt bỏ số không tìm được số nguyên thủy, xe cũ hư hỏng nhiều bộ phận (xe H mượn của Lê Hoàng H3 làm phương tiện đi lại);

- 01 điện thoại di động màu đen, trên điện thoại có chữ Itel, IMEL 1: 359623090847126, IMEL2: 359623090847134, số thuê bao 0772896655 của H;

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh lá cây, bàn phím màu đỏ, có 02 IMEL không rõ số, số thuê bao 0945161152 của P;

- 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, đã bị hư không còn sử dụng được của P;

- 03 đoạn lưỡi cưa, bên ngoài dán băng keo hai mặt màu trắng, ở đầu mỗi đoạn lưỡi cưa có cột một đoạn dây nhựa;

- 01 băng keo hai mặt màu trắng;

- 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu sơn đỏ, phía sau nón có chữ “nón sơn”, trên nón có nhiều vết trầy xước của H;

- 01 đôi dép kẹp nền màu đen, quai dép màu đỏ, trên dép có chữ Alaska của H

- 01 quần dài vải màu xám, trên quần có chữ OTS của H;

- 01 áo khoác dài tay, màu đen, trên áo có chữ T-T Collection của H;

- 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng, đỏ, xanh, xám, trên cổ áo có chữ Viettien của P;

- 01 quần dài Jeans màu xanh, trên lưng quần có một logo màu vàng của P;

- 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thiên P;

- Số tiền 17.980.000 đồng của P;

- Số tiền 1.000.000 đồng do Phan Nhật N giao nộp;

- 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Phú H;

- 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 lắc bằng kim loại màu vàng, 01 vòng bằng kim loại có màu vàng thu giữ tại chỗ ở của Trần Thiên P trong quá trình khám xét. Theo thông báo kết quả giám định số 0326 ngày 27/7/2020 của Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng 3 xác định 01 dây chuyền có màu vàng dạng mắc

xích thành phần hóa học đồng 94,4%, kẽm 5,6%; 01 lắc tay màu vàng dạng mắc xích thành phần hóa học đồng 94,2%, kẽm 5,6%; 01 vòng đeo tay màu vàng thành phần hóa học đồng 96%, kẽm 4,0%.

Căn cứ kết quả điều tra quá trình sử dụng tài sản lấy trộm, ngày 01/10/2020 Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Bến Tre tiến hành yêu cầu định giá theo lời khai của Lê Phú H và Trần Thiên P. Tại kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐG ngày 21/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận:

- 01 lượng vàng SJC (9999) loại vàng miếng tại thời điểm ngày 26/5/2020 là 48.000.000 đồng;

- 06 lượng 08 chỉ vàng 24k loại nhẫn trơn tại thời điểm ngày 26/5/2020 là 324.360.000 đồng;

- 100 USD (một trăm đô la Mỹ mệnh giá 2 USD, 50 USD) tại thời điểm ngày 26/5/2020 là 2.321.500 đồng;

- 1.300 CAD (một ngàn ba trăm đô Canada mệnh giá 100 CAD) tại thời điểm ngày 26/5/2020 là 21.313.500 đồng. Tuy nhiên, bị can Hưng xác định lại chỉ có 700 CAD nên tính tại thời điểm trên quy đổi ra tiền là 11.476.500 đồng.

- 150 AUD (Một trăm năm mươi đô Úc mệnh giá 50 AUD, 100 AUD) tại thời điểm ngày 26/5/2020 là 2.236.950 đồng.

- Tổng cộng 388.394.950 đồng.

Qua làm việc bà Lê Thị Phú Q trình bày tài sản bị mất trộm gồm 19 lượng 8 chỉ vàng 24k và cọc tiền mệnh giá 1000 đồng và 2000 đồng trị giá khoảng 300.000 đồng, nhiều loại tiền đô Mỹ, Úc, Canada không xác định chính xác. Quá trình điều tra xác định số vàng trên là của bà Lê Thị Kim P giao cho chị Phan Thị Thanh N (là người tu học trong chùa Phước Nguyên cùng bà Q) vào ngày 24/5/2020 mang về cho bà Q mượn. Khi nhận vàng, chị N không kiểm tra số lượng vàng bên trong. Sau đó, chị N đi nhiều nơi đến khoảng 13 giờ ngày 25/5/2020 về đến chùa Phước Nguyên giao lại cho bà Q nhưng bà Q cũng không kiểm tra cụ thể số lượng vàng bên trong. Bà Q để túi bằng vải có chứa vàng vào túi xách giấy đựng tiền hàng ngày cất vào bên trong tủ quần áo nhưng không khoá cẩn thận. Do bà Q và chị N không kiểm tra số lượng vàng khi nhận, ngoài lời khai bà P thì không có tài liệu chứng cứ nào khác xác định cụ thể số tài sản bị mất trộm nên không có cơ sở chứng minh theo lời khai của bà Q.

Cáo trạng số 25/CT-VKSCT ngày 10/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Lê Phú H và Trần Thiên P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Phú H từ 10 năm đến 11 năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trần Thiên P từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS 2015 buộc bị cáo Lê Phú H và Trần Thiên P liên đới bồi thường số tiền 388.694.950 đồng cho Lê Thị Phú Q.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô biển số 63B9-801.97, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen, số máy G3D4E472003, số khung 0610HY450879 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Anh T; 01 xe mô tô biển số 63B3-601.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng, đen, đỏ, số máy G3D4E417508, số khung 0610HY398401 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Kim N3; 01 xe mô tô biển số 63B9-901.05, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, số máy JA39E0415453, số khung RLHJA3908HY440289; 01 xe mô tô biển số 71B4-229.91, nhãn hiệu Gentle, loại C110, số máy FMHG00002927, số khung FL10001308653 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lục Thị Kim H4; 01 điện thoại di động màu đen, trên điện thoại có chữ Itel, IMEL 1: 359623090847126, IMEL2: 359623090847134, số thuê bao 0772896655 của H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh lá cây, bàn phím màu đỏ, có 02 IMEL không rõ số, số thuê bao 0945161152 của P; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, đã bị hư không còn sử dụng được của P để đảm bảo thi hành án;

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 17.980.000 đồng của P; số tiền 1.000.000 đồng do Phan Nhật N giao nộp để đảm bảo thi hành án;

- Trả 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thiên P cho bị cáo P; trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Phú H cho bị cáo H;

- Tịch thu tiêu hủy 03 đoạn lưỡi cưa, bên ngoài dán băng keo hai mặt màu trắng, ở đầu mỗi đoạn lưỡi cưa có cột một đoạn dây nhựa; 01 băng keo hai mặt màu trắng; 01 mũ bảo hiểm bằng nhựa, màu sơn đỏ, phía sau nón có chữ “nón sơn”, trên nón có nhiều vết trầy xước của H; 01 đôi dép kẹp nền màu đen, quai dép màu đỏ, trên dép có chữ Alaska của H; 01 quần dài vải màu xám, trên quần có chữ OTS của H; 01 áo khoác dài tay, màu đen, trên áo có chữ T-T Collection của H; 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng, đỏ, xanh, xám, trên cổ áo có chữ Viettien của P; 01 quần dài Jeans màu xanh, trên lưng quần có một logo màu vàng của P; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 lắc bằng kim loại màu vàng, 01 vòng bằng kim loại có màu vàng.

- Giao Công an huyện Châu Thành tiếp tục xác thông báo truy tìm chủ sở hữu 01 xe mô tô biển số 49S8- 0579, không có nhãn hiệu, màu bạc, không có số khung, số máy E432-VN103828.

Người bào chữa cho bị cáo P trình bày: Thống nhất về Điều luật, tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đang nuôi cha mẹ già, con nhỏ; tác động gia đình bồi thường thiệt hại theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử bị cáo P mức hình phạt thấp nhất theo đề nghị của Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo H và bị cáo P về việc bị cáo H đồng ý một mình bồi thường cho bị hại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại là Luật sư T, Luật sư N trình bày tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18/10/2021: Thống nhất tội danh, điều luật truy tố của Viện kiểm sát đối với các bị cáo và số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại Lê Thị Phú Q. Về trách nhiệm dân sự yêu cầu trả lại cho bà Q 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen biển số 63B9-801.97, 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen biển số 63B3-601.59, số tiền 18.980.000 đồng. Buộc hai bị cáo H và P liên đới bồi thường cho bà Q số tiền 338.005.950 đồng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau cùng: bị cáo H ăn năn hối cải, hứa không tái phạm, làm người công dân tốt cho xã hội; bị cáo P xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo nuôi con nhỏ và cha mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt. Các bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy việc vắng mặt này không ảnh hưởng đến việc xét xử, đã được triệu hợp lệ và đã có lời khai rõ ràng trong quá trình điều tra nên tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 292; 293 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa là phù hợp về đặc điểm tài sản, vị trí, thời gian để tài sản mà bị cáo chiếm đoạt và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên vào khoảng 05 giờ 30 phút ngày 26/5/2020 tại Chùa Phước Nguyên thuộc ấp Phước Thạnh, xã Tam Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre, Lê Phú H và Trần Thiên P có hành vi lấy trộm vàng và tiền của bà Lê Thị Phú Q.

Theo lời khai nhận của các bị cáo, các bị cáo đã lấy trộm tài sản bao gồm: 06 lượng 08 chỉ vàng 24k loại nhẫn trơn, 01 lượng vàng SJC, số tiền 300.000 đồng, 100 USD đô la Mỹ mệnh giá 2 USD, 50 USD, 700 CAD đô Canada mệnh giá 100 CAD, 150 AUD đô Úc mệnh giá 50 AUD, 100 AUD.

Bà Lê Thị Phú Q trình bày tài sản bị mất trộm gồm 19 lượng 08 chỉ vàng 24k và cọc tiền mệnh giá 1000 đồng và 2000 đồng trị giá khoảng 300.000 đồng, nhiều loại tiền đô Mỹ, Úc, Canada không xác định chính xác. Quá trình điều tra, bà Q và chị Nhanh thừa nhận không kiểm tra số lượng vàng khi nhận, ngoài lời khai bà P thì không có tài liệu chứng cứ nào khác xác định cụ thể số tài sản bị mất trộm nên không có cơ sở chứng minh theo lời khai của bà Q.

Căn cứ vào kết quả điều tra, lời khai của bị cáo H, bị cáo P về tài sản lấy trộm và quá trình sử dụng tài sản lấy trộm, tại kết luận định giá tài sản số 57/KL-HĐĐG ngày 21/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Bến Tre kết luận tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt theo lời khai của Lê Phú H và Trần Thiên P tổng cộng là 388.394.950 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo là hành vi cố ý lén lút chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Lê Phú H và Trần Thiên P phạm “Tội trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, các bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Trên thực tế các bị cáo đã thực hiện thành công hành vi phạm tội như ý định của các bị cáo. Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi các bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mọi người không an tâm trong lao động, sinh hoạt, nghỉ ngơi.

[5] Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên phải bị xử lý theo chế định đồng phạm. Tuy nhiên, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, không có cấu kết chặt chẽ nên đây là vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Phú H là người rủ rê, là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo P giữ vai trò giúp sức và bị cáo H là người sử dụng số tiền chiếm đoạt được nhiều hơn bị cáo P nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo P.

[6] Xét tình tiết tăng nặng: bị cáo H bị xét xử về tội trộm cắp tài sản năm 2018 chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp tái phạm theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử hình sự và xử lý vi phạm hành chính nhiều lần. Xét tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo P đang nuôi con nhỏ chưa thành niên, theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo P còn tác động gia đình nộp số tiền 5.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên số tiền này là không đáng kể so với tổng số tiền mà bị cáo P cùng với bị cáo H chiếm đoạt của bị hại, nên không đủ điều kiện để áp dụng tình tiết giảm nhẹ bồi thường thiệt hại theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo P, mà chỉ áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo P.

[7] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, bản tính xem thường pháp luật và nhân thân xấu của các cáo, cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là phù hợp quy định tại Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại yêu cầu các bị cáo cùng liên đới bồi thường và có yêu cầu giải quyết vắng mặt tại phiên tòa. Việc thỏa thuận giữa các bị cáo về việc bị cáo H một mình bồi thường cho bị hại là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Do các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên buộc bị cáo Lê Phú H và Trần Thiên P cùng liên đới bồi thường số tiền 388.694.950 đồng cho bà Lê Thị Phú Q.

Ông Trần Văn N (là cha của bị cáo P) không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 5.000.000 đồng đã thay bị cáo giao nộp khắc phục hậu quả nên ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- Đối với:

+ 01 xe mô tô biển số 63B9-801.97, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen, số máy G3D4E472003, số khung 0610HY450879 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Anh T;

+ 01 xe mô tô biển số 63B3-601.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng, đen, đỏ, số máy G3D4E417508, số khung 0610HY398401 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Kim N3;

+ 01 xe mô tô biển số 71B4-229.91, nhãn hiệu Gentle, loại C110, số máy FMHG00002927, số khung FL10001308653 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lục Thị Kim H4;

Đây là tài sản của bị cáo có được từ việc dùng tiền trộm được của bà Q mua lại từ người khác. Tuy nhiên, do các bị cáo đã chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nên đối với số tài sản này được xác định là tài sản của các bị cáo. Do đó cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

+ 01 điện thoại di động màu đen, trên điện thoại có chữ ITEL, IMEL 1: 359623090847126, IMEL2: 359623090847134, số thuê bao 0772896655 là tài sản của bị cáo H; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh lá cây, bàn phím màu đỏ, có 02 IMEL không rõ số, số thuê bao 0945161152 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, đã bị hư không còn sử dụng là tài sản của bị cáo P, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Đối với số tiền 18.980.000 đồng (bao gồm 17.980.000 đồng thu giữ của bị cáo P là số tiền bị cáo P bán vàng trộm cắp được còn lại; 1.000.000 đồng do Phan Nhật N giao nộp) cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Đối với số tiền 5.000.000 đồng bị cáo P tác động gia đình giao nộp, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thiên P do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo P;

- Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Phú H do không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo H;

- Đối với 03 đoạn lưới cửa, bên ngoài dán băng keo hai mặt màu trắng, ở đầu mỗi đoạn lưới cửa có cột một đoạn dây nhựa; 01 băng keo hai mặt màu trắng là công cụ các bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu sơn đỏ, có lưỡi trai màu đen, dây và quai nón màu đen, phía sau nón có chữ “nón sơn”, trên nón có nhiều vết trầy xước của bị cáo H; 01 đôi dép kẹp nền màu đen, quai dép màu đỏ, trên dép có chữ ALASKA của bị cáo H; 01 quần dài vải màu xám, trên quần có chữ OTS của bị cáo H; 01 áo khoác dài tay, màu đen, trên áo có chữ T-T COLLECTION của bị cáo H. Do bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng, đỏ, xanh, xám, trên cổ áo có chữ Viettien của bị cáo P; 01 quần dài Jeans màu xanh, trên lưng quần có một logo màu vàng của bị cáo P; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 lắc bằng kim loại màu vàng, 01 vòng bằng kim loại có màu vàng của bị cáo P. Do bị cáo P không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với: 01 xe mô tô biển số 49S8- 0579, không có nhãn hiệu, màu bạc, không có số khung, số máy E432-VN103828, số khung bị cắt bỏ số không tìm được số nguyên thủy, xe cũ hư hỏng nhiều bộ phận và 01 xe mô tô biển số 63B9-901.05, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, số máy JA39E0415453, số khung RLHJA3908HY440289, xe đã qua sử dụng quá trình điều tra không xác minh làm việc được với chủ sở hữu và người đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Do đây là xe chưa rõ nguồn gốc nên giao Công an huyện Châu Thành tiếp tục xác minh truy tìm chủ sở hữu xử lý theo thẩm quyền.

[10] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Các bị cáo phải liên đới chịu là $388.694.950 \text{ đồng} \times 5\% = 19.434.700 \text{ đồng}$.

[11] Đối với hành vi của Lê Hoàng H3, Phan Nhật N, Lê Thanh B, Đoàn Phước N1, Tăng Chí T1, Bùi Linh T khi nhận vàng và tiền từ bị cáo H không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, bị cáo H cũng không nói nguồn gốc tài sản trộm cắp được nên không có căn cứ xử lý. Đối với Nguyễn Trần T2 đã đi khỏi địa phương không làm việc được nên không có cơ sở xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Phú H phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê Phú H: 11 (mười một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

[2] Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Thiên P phạm “Tội trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trần Thiên P: 08 (tám) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/6/2020.

[3] Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 585, 586, 587, 589, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015:

Trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo Lê Phú H và Trần Thiên P liên đới bồi thường số tiền 388.694.950 (Ba trăm tám mươi tám triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi) đồng cho bà Lê Thị Phú Q.

- Ghi nhận ông Trần Văn N (là cha của bị cáo P) không yêu cầu bị cáo P trả lại số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng đã thay bị cáo giao nộp khắc phục hậu.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[4] Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với các tài sản:

+ 01 xe mô tô biển số 63B9-801.97, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ đen, số máy G3D4E472003, số khung 0610HY450879 cùng với giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Đỗ Anh T;

+ 01 xe mô tô biển số 63B3-601.59, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng, đen, đỏ, số máy G3D4E417508, số khung 0610HY398401 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Kim N3;

+ 01 xe mô tô biển số 71B4-229.91, nhãn hiệu Gentle, loại C110, số máy FMHG00002927, số khung FL10001308653 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lục Thị Kim H4;

+ 01 điện thoại di động màu đen, trên điện thoại có chữ Itel, IMEL 1: 359623090847126, IMEL2: 359623090847134, trên máy đang sử dụng số thuê bao 0772896655, máy đã qua sử dụng của Lê Phú H;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia, màu xanh lá cây, bàn phím màu đỏ, có 02 IMEL không rõ số, số thuê bao 0945161152; 01 điện thoại di động hiệu Oppo, màu trắng, đã bị hư không còn sử dụng được của Trần Thiên P;

+ Số tiền 18.980.000 (Mười tám triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng (bao gồm: 17.980.000 đồng thu giữ của Trần Thiên P; 1.000.000 đồng do Phan Nhật N giao nộp);

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng bị cáo P tác động gia đình giao nộp để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên Trần Thiên P cho bị cáo Trần Thiên P;

- Trả lại 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lê Phú H cho bị cáo Lê Phú H;

- Tịch thu tiêu hủy: 03 đoạn lưỡi cưa, bên ngoài dán băng keo hai mặt màu trắng, ở đầu mỗi đoạn lưỡi cưa có cột một đoạn dây nhựa; 01 băng keo hai mặt màu trắng; 01 nón bảo hiểm bằng nhựa, màu sơn đỏ, có lưỡi trai màu đen, dây và quay nón màu đen,

phía sau nón có chữ “nón son”, trên nón có nhiều vết trầy xước của bị cáo H; 01 đôi dép kẹp nền màu đen, quay dép màu đỏ, trên dép có chữ ALASKA của bị cáo H; 01 quần dài vải màu xám, trên quần có chữ OTS của bị cáo H; 01 áo khoác dài tay, màu đen, trên áo có chữ T-T COLLECTION của bị cáo H; 01 áo sơ mi dài tay sọc trắng, đỏ, xanh, xám, trên cổ áo có chữ Viettien của bị cáo P; 01 quần dài Jeans màu xanh, trên lưng quần có một logo màu vàng của bị cáo P; 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, 01 lắc bằng kim loại màu vàng, 01 vòng bằng kim loại có màu vàng của bị cáo P.

- Giao Công an huyện Châu Thành tiếp tục xác minh, truy tìm chủ sở hữu và xử lý theo thẩm quyền đối với xe không rõ nguồn gốc: 01 xe mô tô biển số 49S8- 0579, không có nhãn hiệu, màu bạc, không có số khung, số máy E432-VN103828, xe cũ hư hỏng nhiều bộ phận; 01 xe mô tô biển số 63B9-901.05, nhãn hiệu Honda, loại Wave Alpha, màu đỏ, số máy JA39E0415453, số khung RLHJA3908HY440289.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre với Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; biên lai thu tiền số 0000066 ngày 29/4/2021 và biên lai thu tiền số 0011182 ngày 17/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành).

[5] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phú H và bị cáo Trần Thiên P, mỗi bị cáo phải nộp án phí là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Phú H và bị cáo Trần Thiên P liên đới chịu là 19.434.700 (Mười chín triệu bốn trăm ba mươi bốn nghìn bảy trăm) đồng.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre (1b)
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (3b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã Tân Thạch, An Định (2b);
- Những người tham gia tố tụng (18b);
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền

